

Bản án số: **39/2017/HSPT**  
Ngày 30/8/2017

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**  
***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thanh Hương**

*Các Thẩm phán:* Ông **Hà Văn Chương**

Ông **Hồ Thanh Sơn**

*Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Lê Hoàng Tân** – Cán bộ  
Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*  
Bà **Triệu Thùy Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh  
Tuyên Quang. Tòa nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai  
vụ án hình sự thụ lý số 60/2017/HSPT ngày 07 tháng 8 năm 2017 đối với bị  
cáo Vi Tuấn B và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án  
hình sự sơ thẩm số 44/2017/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tòa án  
nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

***Các bị cáo có kháng cáo:***

**1. Vi Tuấn B**, sinh ngày 27 tháng 6 năm 1993 tại Tuyên Quang;

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn Đ, xã ĐQ, huyện S, tỉnh Tuyên  
Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Cao  
Lan; con ông Vi Văn C, sinh năm 1967 và bà Lý Thị G, sinh năm 1968; vợ,  
con: Chưa có;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Quyết định số 202/QĐ – XPHC ngày 20/9/2016 của Công an  
huyện S xử phạt 750.000 đồng về hành vi đánh nhau. Ngày 03/10/2016 đã  
nộp phạt.

Bị cáo hiện đang tại ngoại (*có mặt*).

**2. Vi Văn H**, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1988 tại Tuyên Quang;

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên  
Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Nùng;  
con ông Vi Văn T (Vi Văn C), sinh năm 1967 và bà Bùi Thị N, sinh năm  
1965; vợ: Vi Thị P, sinh năm 1994; con: có 01 con, sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại (có mặt).

**3. Nguyễn Văn N**, sinh ngày 11 tháng 9 năm 1990 tại Tuyên Quang;

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn V, xã ĐQ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967 và bà Hoàng Thị K, sinh năm 1966; vợ: Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1990; con: có 01 con, sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại (có mặt).

### **NHẬN THẤY:**

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 10 phút ngày 09/02/2017, tại đồi cây keo của gia đình bà Phan Thị T, thuộc thôn K, xã ĐT, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Vương Văn M, Phan Văn T, Vương Văn N, Tiêu Xuân L, Nguyễn Văn C, La Thị M và Vương Văn T1 về hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa ăn tiền, mức sát phạt từ 50.000 đồng trở lên. Tang vật thu giữ gồm: 01 tấm bạt màu xanh, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 tấm bảng vị bằng vải bạt kẻ ô ghi chữ và số (tỷ lệ 1 ăn 10 nếu kết quả mở là 4 đen, 4 đỏ; tỷ lệ 1 ăn 3 nếu kết quả mở bát là 3 đen 3 đỏ; tỷ lệ 2 ăn 5 nếu kết quả mở bát là 2 đen, 2 đỏ) và 9.930.000 đồng (thu trên chiếu 8.630.000 đồng; Vương Văn T1 tự giác giao nộp 1.300.000 đồng).

Quá trình điều tra đã xác định: Khoảng 14 giờ ngày 09/02/2017, các đối tượng Vương Văn M, Phan Văn T, La Thị M, Nguyễn Văn C, Vương Văn N, Tiêu Xuân L, Vương Văn T1, Nguyễn Xuân H, Hoàng Văn T, Phan Văn T, Vi Tuấn B, Vi Văn H, Nguyễn Văn N, Trần Văn T2, Âu Văn T3, Lâm Văn C, Hoàng Văn T tụ tập tại nhà Vương Văn T1 rồi cùng rủ nhau lên đồi cây keo để đánh bạc. Khi đi Vương Văn M xách theo một bao tải bên trong có dụng cụ đánh bạc gồm 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 bút dạ, 01 tấm bạt màu xanh, 01 dao nhọn. Trên đường đến vị trí đánh bạc, T1 nhặt một mảnh tre mang theo để làm quân vị. Đến nơi Vương Văn N là người cắt quân vị, T1 trải bạt, M lấy trong người ra 01 tấm vải bạt có in số và chữ để làm bảng vị đánh bạc. Khi đánh bạc Âu Văn T3 là người xóc cái.

Số tiền các đối tượng khai tham gia đánh bạc như sau: Vương Văn M có 2.350.000 đồng tham gia đánh bạc thua 350.000 đồng, số tiền còn lại để dưới chiếu bạc và bị thu giữ; Phan Văn T có 2.000.000 đồng tham gia đánh bạc không rõ thắng thua, khi Công an bắt thì để lại tiền ở chiếu bạc và bị thu giữ; Tiêu Xuân L có 1.000.000 đồng tham gia đánh bạc, thắng 100.000 đồng,

khi bị bắt để tiền dưới chiếu bạc, nộp tiền hồ 100.000 đồng cho Vương Văn T1; Vương Văn T1 có 900.000 đồng tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc thu được 500.000 đồng tiền hồ và thắng bạc 800.000 đồng, T1 cất số tiền này ở túi quần, số tiền còn lại tiếp tục đánh và bị thua hết. T1 tự giác giao nộp 1.300.000 đồng ở túi quần; Nguyễn Văn C có 560.000 đồng, tham gia đánh bạc không rõ thắng thua, khi Công an bắt thì để lại chiếu bạc và bị thu giữ, nộp tiền hồ 100.000 đồng cho Vương Văn T1; Vương Văn N có 520.000 đồng tham gia đánh bạc, thua 500.000 đồng, số tiền còn lại để trên chiếu bạc và bị thu giữ, nộp tiền hồ 50.000 đồng cho Vương Văn T1; Âu Văn T3 có 430.000 đồng tham gia đánh bạc, không rõ thắng thua, khi Công an bắt thì để lại chiếu bạc và bị thu giữ; Vi Văn H có 300.000 đồng tham gia đánh bạc, bị thua hết; Nguyễn Văn N có 300.000 đồng tham gia đánh bạc, không rõ thắng thua, khi Công an bắt thì để lại chiếu bạc và bị thu giữ, nộp tiền hồ 100.000 đồng cho Vương Văn T1; Nguyễn Xuân H có 200.000 đồng tham gia đánh bạc, không rõ thắng thua, khi Công an bắt thì để lại chiếu bạc và bị thu giữ; Phan Văn T có 200.000 đồng tham gia đánh bạc, không rõ thắng thua, khi Công an bắt thì để lại chiếu bạc và bị thu giữ, nộp tiền hồ 100.000 đồng cho Vương Văn T1; Vi Tuấn B có 200.000 đồng tham gia đánh bạc, bị thua hết; La Thị M có 200.000 đồng tham gia đánh bạc, thua 100.000 đồng, số tiền còn lại để trên chiếu bạc và bị thu giữ; Lâm Văn C có 130.000 đồng tham gia đánh bạc, bị thua hết; Trần Văn T2 có 120.000 đồng tham gia đánh bạc, bị thua hết; Hoàng Văn T có 100.000 đồng tham gia đánh bạc, bị thua hết, nộp tiền hồ 50.000 đồng cho Vương Văn T1; Hoàng Văn T có 80.000 đồng tham gia đánh bạc, bị thua hết.

Tổng số tiền các bị cáo khai nhận tham gia đánh bạc là 9.590.000 đồng, nhưng tổng số tiền Cơ quan điều tra thu giữ tại chiếu bạc và Vương Văn T1 tự giác giao nộp là 9.930.000 đồng, chênh lệch 340.000 đồng không xác định được của ai, do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về số tiền này.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 44/2017/HSST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

**Tuyên bố:** Các bị cáo Vi Tuấn B, Vi Văn H, Nguyễn Văn N phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng: Khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 30 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Vi Tuấn B 05 (năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam chấp hành án.

Phạt tiền bị cáo Vi Tuấn B 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) sung quỹ Nhà nước.

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 30 Bộ luật hình sự;

Phạt tiền bị cáo Vi Văn H 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn N 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với 14 bị cáo trong vụ án về tội Đánh bạc với mức án cao nhất là 06 tháng tù; phạt tiền và quyết định về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/7/2017, bị cáo Vi Tuấn B có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Ngày 07/7/2017, bị cáo Vi Văn H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt tiền.

Ngày 11/7/2017, bị cáo Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Vi Văn H và bị cáo Nguyễn Văn N tự nguyện rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Bị cáo Vi Tuấn B bổ sung nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, trong hạn luật định. Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng tổ tụng.

Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Vi Văn H, Nguyễn Văn N tự nguyện rút toàn bộ nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo H và bị cáo N.

Đối với kháng cáo của bị cáo Vi Tuấn B, tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Ba về tội “*Đánh bạc*” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình đơn xin giảm nhẹ hình phạt có xác nhận của chính quyền địa phương và nộp biên lai nộp tiền phạt số tiền là 3.000.000đ, đây là những tình tiết giảm nhẹ mới cần áp dụng cho bị cáo. Nhưng bị cáo đã có 01 tiền sự về hành vi đánh nhau theo Quyết định số 202/QĐ – XPHC ngày 20/9/2016 của Công an huyện S xử phạt 750.000 đồng, ngày 03/10/2016 bị cáo đã nộp phạt. Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP, ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Vi Tuấn B mà chỉ chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Ba. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 238; điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Vi Văn H,

bị cáo Nguyễn Văn N. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Vi Tuấn B, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 44/2017/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt như sau:

Áp dụng: Khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 và Điều 30 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vi Tuấn B 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam chấp hành án.

Phạt tiền bị cáo Vi Tuấn B 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) sung quỹ Nhà nước.

Ghi nhận bị cáo Vi Tuấn B đã nộp phạt số tiền là 3.000.000đ tại Biên lai thu tiền số 0001896 ngày 30/8/2017 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Các bị cáo Vi Văn H, Nguyễn Văn N, Vi Tuấn B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Vi Tuấn B không có ý kiến gì tranh luận với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo;

### **XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Vi Văn H, Nguyễn Văn N tự nguyện rút toàn bộ nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo H và bị cáo N. Bị cáo Vi Tuấn B bổ sung nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và các bị cáo tiếp tục thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nhận định của bản án sơ thẩm và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Vi Tuấn B đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện cải tạo tại địa phương thành người có ích cho xã hội.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nội dung kháng cáo của bị cáo B, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 09/02/2017 tại khu vực đồi cây keo của bà Phan Thị T, thôn K, xã ĐT, huyện S, tỉnh Tuyên Quang các đối tượng Vương Văn M, Phan Văn T, Tiêu Xuân L, Vương Văn T1, Nguyễn Văn C, Vương Văn N, Âu Văn T3, Vi Văn H, Nguyễn Văn N, Nguyễn Xuân H, Phan Văn T, Vi Tuấn B, La Thị M, Lâm

Văn C, Trần Văn T2, Hoàng Văn T, Hoàng Văn T có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa ăn tiền. Trong đó Âu Văn T3 là người xóc cái, Vương Văn M, Vương Văn T1, Vương Văn N là người chuẩn bị công cụ đánh bạc, không xác định được ai là người rủ rê, khởi xướng.

Số tiền các đối tượng khai sử dụng đánh bạc là 9.590.000 đồng gồm: Vương Văn M sử dụng 2.350.000 đồng; Phan Văn T sử dụng 2.000.000 đồng; La Thị M sử dụng 200.000 đồng; Nguyễn Văn C sử dụng 560.000 đồng; Vương Văn N sử dụng 520.000 đồng; Tiêu Xuân L sử dụng 1.000.000 đồng; Vương Văn T1 sử dụng 900.000 đồng; Nguyễn Xuân H sử dụng 200.000 đồng; Hoàng Văn T sử dụng 80.000 đồng; Phan Văn T sử dụng 200.000 đồng; Vi Tuấn B sử dụng 200.000 đồng; Vi Văn H sử dụng 300.000 đồng; Nguyễn Văn N sử dụng 300.000 đồng; Trần Văn T2 sử dụng 120.000 đồng; Âu Văn T3 sử dụng 430.000 đồng; Hoàng Văn T sử dụng 100.000 đồng; Lâm Văn C sử dụng 130.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo khai nhận tham gia đánh bạc là 9.590.000 đồng, nhưng tổng số tiền Cơ quan điều tra thu giữ tại chiếu bạc và Vương Văn T1 tự giác giao nộp là 9.930.000 đồng, chênh lệch 340.000 đồng không xác định được của ai, do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về số tiền này.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự trị an tại địa phương và là nguyên nhân phát sinh các loại tệ nạn khác. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Vi Tuấn B về tội “*Đánh bạc*” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tiếp tục thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn, hối cải, bị cáo xuất trình đơn xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương và nộp biên lai nộp tiền phạt số tiền là 3.000.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S là tình tiết mới. Tuy nhiên, bị cáo đã có 01 tiền sự về hành vi đánh nhau theo Quyết định số 202/QĐ – XPHC ngày 20/9/2016 của Công an huyện S xử phạt 750.000 đồng, ngày 03/10/2016 bị cáo đã nộp phạt. Tính đến ngày xảy ra vụ án 09/02/2017, thời gian là gần 05 tháng nhưng bị cáo lại tiếp tục vi phạm pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự và căn cứ Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP, ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo xin hưởng án treo mà chỉ chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giảm nhẹ một phần hình phạt là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, đúng

quy định của pháp luật, đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Ghi nhận bị cáo Vi Tuấn B đã nộp khoản tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền tạm thu theo bản án hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số 0001896 ngày 30/8/2017 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Về án phí: Các bị cáo Vi Tuấn B, Vi Văn H, Nguyễn Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 238; điểm b khoản 2 Điều 248, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố Tụng hình sự;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Vi Văn H, Nguyễn Văn N. Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2017/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo H, N kể từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm (30/8/2017).

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Vi Tuấn B, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 44/2017/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt như sau:

Áp dụng: Khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 30 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Vi Tuấn B 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam chấp hành án.

Phạt tiền bị cáo Vi Tuấn B 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) sung quỹ Nhà nước.

Ghi nhận bị cáo Vi Tuấn B đã nộp khoản tiền là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền tạm thu theo bản án hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số 0001896 ngày 30/8/2017 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Về án phí:

Các bị cáo Vi Tuấn B, Vi Văn H và Nguyễn Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TA + VKSND + CA huyện S, tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện S, tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thanh Hương**

